

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – NGHỆ AN**

Bản án số: **01/2026/DS-ST**

Ngày 13 tháng 01 năm 2026
(*V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng*)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - NGHỆ AN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Thanh – Bà Phan Thị Quế

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Nhật Thanh - Thư ký viên Tòa án Nhân dân Khu vực 6 - Nghệ An.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Nghệ An tham gia phiên tòa:
Ông Luyện Văn Thông - Kiểm sát Viên.

Trong ngày 13/01/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Nghệ An mở phiên tòa công khai xét xử vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 146/2025/TLST-DS ngày 17/10/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 52/2025/QĐDS-ST ngày 05/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2025/QĐST-HPT ngày 24/12/2025 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn:

1. Công ty Cổ phần M1 (Viết tắt là: Mars)

Địa chỉ: Tầng A, tòa nhà V, số I D, phường C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công T – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Duy T1 – Trưởng phòng xử lý nợ.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Bùi Thị T2, ông Nguyễn Văn T3 – Chuyên viên xử lý nợ (Có mặt tại phiên tòa)

2. Ngân hàng TMCP V (Viết tắt là V1)

Địa chỉ: Số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Hoàng L - Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Thu hồi nợ Khách hàng doanh nghiệp và Xử lý nợ Pháp lý.

Người được ủy quyền lại: Bà Bùi Thị T2 – Chuyên viên xử lý nợ. (Có mặt tại phiên tòa).

-Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Á, sinh năm 1994 (vợ) và ông Hồ Sỹ Q, sinh năm 1993 (chồng); Điều cư trú tại: xóm B, xã G (xã P cũ), tỉnh Nghệ An. (*Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 mà không có lý do*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án đồng nguyên đơn thống nhất trình bày:

Bà Nguyễn Thị Á và ông Hồ Sỹ Q vay vốn tại Ngân hàng TMCP V (V1) – Chi nhánh N1 – Địa điểm kinh doanh phòng G với số tiền: 670.000.000 đồng (*Sáu trăm bảy mươi triệu đồng*), theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 10254984 ngày 20/8/2024 và Khế ước nhận nợ ngày 22/8/2024. Thời hạn vay: 12 tháng. Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn kinh doanh quần áo các loại. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 6,49%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 3 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời gian cố định, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức Lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân được bên Ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3,5%/năm; Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên của bà Nguyễn Thị Á và ông Hồ Sỹ Q tại V1 là:

Tài sản 01: Toàn bộ quyền sử dụng đất của bên thế chấp đối với thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI464135, số vào sổ cấp GCN: CS000161 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp ngày 21/12/2022, tại thửa đất số 36, tờ bản đồ số 72, địa chỉ tại: Bản A, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An đứng tên ông Hồ Sỹ Q và bà Nguyễn Thị Ánh . Theo Hợp đồng thế chấp số LN2304128902743-01 ngày 18/4/2023.

Tài sản 02: Toàn bộ quyền sử dụng đất của bên thế chấp đối với thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI464136, số vào sổ cấp GCN: CS000162 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp ngày 21/12/2022, tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 72, địa chỉ tại: Bản A, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An đứng tên ông Hồ Sỹ Q và bà Nguyễn Thị Ánh . Theo Hợp đồng thế chấp số LN2304128902743-01 ngày 18/4/2023.

Tài sản 03: Toàn bộ quyền sử dụng đất của bên thế chấp đối với thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI464140, số vào sổ cấp GCN: CS000168 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp ngày 21/12/2022, tại thửa đất số 40, tờ bản đồ số 72, địa chỉ tại: Bản A, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An đứng tên ông Hồ Sỹ Q và bà Nguyễn Thị Ánh . Theo Hợp đồng thế chấp số LN2304128902743-02 ngày 18/4/2023”.

Tài sản 04: Toàn bộ quyền sử dụng đất của bên thế chấp đối với thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI464141, số vào sổ cấp GCN: CS000167 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp ngày 21/12/2022, tại thửa đất số 41, tờ bản đồ số 72, địa chỉ tại: Bản A, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An đứng tên ông Hồ Sỹ Q và bà Nguyễn Thị Ánh . Theo Hợp đồng thế chấp số LN2304128902743-02 ngày 18/4/2023”.

Tài sản 05: Toàn bộ quyền sử dụng đất của bên thế chấp đối với thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI464138, số vào sổ cấp GCN: CS000163 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp ngày 21/12/2022, tại thửa đất số 38, tờ bản đồ số 72, địa chỉ tại: Bản A, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An đứng tên ông Hồ Sỹ Q và bà Nguyễn Thị Ánh . Theo Hợp đồng thế chấp số LN2304128902743-03 ngày 18/4/2023.

Tài sản 06: Toàn bộ quyền sử dụng đất của bên thế chấp đối với thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI464139, số vào sổ cấp GCN: CS000169 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp ngày 21/12/2022, tại thửa đất số 39, tờ bản đồ số 72, địa chỉ tại: Bản A, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An đứng tên ông Hồ Sỹ Q và bà Nguyễn Thị Ánh . Theo Hợp đồng thế chấp số LN2304128902743-03 ngày 18/4/2023”.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng vợ chồng bà Á, ông Q đã thanh toán được cho V1 19.082.125 đồng tiền lãi. Do vợ chồng bà Á, ông Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết, nên khoản vay đã chuyển sang quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn kể từ ngày 05/02/2025.

Diễn biến thanh toán lãi suất trong hạn của bà Nguyễn Thị Á và ông Hồ Sỹ Q đã thanh toán, còn nợ thể hiện với mốc thời gian và số lãi suất quá hạn được thể hiện tại bảng kê tính lãi cụ thể như sau:

Từ ngày 22/8/2024 đến ngày 04/10/2024 là 44 ngày: $670.000.000đ \times 6.49\%/năm : 365 \text{ ngày} \times 44 \text{ ngày} = 5.241.786đ$ (đã trả đủ lãi suất)

Từ ngày 05/10/2024 đến ngày 04/11/2024 là 31 ngày: $670.000.000đ \times 6.49\%/năm : 365 \text{ ngày} \times 31 \text{ ngày} = 3.693.077đ$ (đã trả đủ lãi suất)

Từ ngày 05/11/2024 đến ngày 21/11/2024 là 17 ngày: $670.000.000đ \times 6.49\%/năm : 365 \text{ ngày} \times 17 \text{ ngày} = 2.025.236đ$ (đã trả đủ lãi suất)

Từ ngày 22/11/2024 đến ngày 04/12/2024 là 13 ngày: $670.000.000đ \times 9.6\%/năm : 365 \text{ ngày} \times 13 \text{ ngày} = 2.290.849đ$ (đã trả đủ lãi suất)

Từ ngày 05/12/2024 đến ngày 22/12/2024 là 18 ngày: $670.000.000đ \times 9.6\%/năm : 365 \text{ ngày} \times 18 \text{ ngày} = 3.171.945đ$ (đã trả đủ lãi suất)

Từ ngày 23/12/2024 đến ngày 05/01/2025 là 14 ngày: $670.000.000đ \times 9.9\%/năm : 365 \text{ ngày} \times 14 \text{ ngày} = 2.544.164đ$ (đã trả đủ lãi suất)

Từ ngày 06/01/2025 đến ngày 21/01/2025 là 16 ngày: $670.000.000đ \times 9.9\%/năm : 365 \text{ ngày} \times 16 \text{ ngày} = 2.907.616đ$ (chưa thanh toán)

Từ ngày 22/01/2025 đến ngày 04/02/2025 là 14 ngày: $670.000.000đ \times 10.6\%/năm : 365 \text{ ngày} \times 14 \text{ ngày} = 2.724.055đ$. (chưa thanh toán)

Lãi suất trong hạn bà Á, ông Q chưa thanh toán cho V2 là 5.631.671 đồng.

Do bà Á, ông Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi suất đúng hạn, nên khoản vay trên của bà Á, ông Q bị chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 05/02/2025 với lãi suất được tính bằng 150% lãi suất trong hạn.

Lãi suất quá hạn từ ngày 05/02/2025 đến ngày 21/02/2025 bà Á, ông Q chưa thanh toán là 17 ngày: $670.000.000đ \times 15,9\%/năm : 365 \text{ ngày} \times 17 \text{ ngày} = 4.961.671đ$. mới trả được 115,067đ còn nợ 4.846.604 đ.

Lãi suất quá hạn từ ngày 22/02/2025 đến ngày 21/7/2025 bà Á, ông Q chưa thanh toán là 150 ngày: $670.000.000đ \times 15,45\%/năm : 365 \text{ ngày} \times 150 \text{ ngày} = 42.540.411đ$

Lãi suất quá hạn từ ngày 22/07/2025 đến ngày 04/12/2025 bà Á, ông Q chưa thanh toán là 136 ngày: $670.000.000đ \times 16,5\%/năm : 365 \text{ ngày} \times 136 \text{ ngày} = 41.191.233đ$

Lãi suất quá hạn tạm tính từ ngày 05/12/2025 đến ngày 13/01/2026 (ngày xét xử) bà Á, ông Q chưa thanh toán là 40 ngày: $670.000.000đ \times 16,95\%/năm : 365 \text{ ngày} \times 40 \text{ ngày} = 12.445.479đ$

Lãi suất quá hạn bà Á, ông Q chưa thanh toán là 101.023.727đồng.

Ngày 29/5/2025 V1 đồng ý bán bán cho Mars một phần khoản nợ phát sinh theo (các) Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay ký giữa V1 với bà Nguyễn Thị Á và ông Hồ Sỹ Q, cụ thể: Một phần (95%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 10254984 ngày 20/8/2024.

Theo thỏa thuận tại Hợp đồng mua bán nợ này, V1 đã chuyển giao một phần quyền chủ nợ của khoản nợ nêu trên cho Công ty M1, Công ty M1 kế thừa một phần quyền và nghĩa vụ của V1 đối với (các) khoản nợ đã mua và một phần quyền đối với (các) tài sản bảo đảm liên quan đến khoản nợ bà Nguyễn Thị Á và ông Hồ Sỹ Q, bao gồm cả các quyền và nghĩa vụ tại Tòa án theo quy định pháp luật. V1 sở hữu đối với phần quyền còn lại chưa bán đối với các quyền, nghĩa vụ nêu trên. Chi tiết theo Hợp đồng mua bán nợ số 09/2025/VPB-MARS ngày 29/5/2025 và Phụ lục Mua bán nợ kèm theo (B1 66 đến 75).

Tạm tính đến ngày 13/01/2026 (ngày xét xử sơ thẩm), vợ chồng bà Á, ông Q còn nợ M và V1 tổng số tiền là: Nợ gốc: 670.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 5.631.671 đồng; Nợ lãi quá hạn: 101.023.727 đồng. Tổng cộng: 776.655.398 đồng (Bảy trăm bảy mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm chín mươi tám đồng).

Tại phiên tòa đại diện M1 và V1 yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà Á, ông Q phải thanh toán cho Công ty cổ phần M1 tổng số tiền tương ứng với 95% dư nợ tạm tính đến ngày 13/01/2026 (ngày xét xử sơ thẩm) là: 737.822.628đ (*Bảy trăm ba mươi bảy triệu tám trăm hai mươi hai nghìn sáu trăm hai mươi tám đồng*). Trong đó, tiền nợ gốc: 636.500.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 5.350.087 đồng; tiền lãi quá hạn: 95.972.541 đồng.

Buộc vợ chồng bà Á, ông Q phải thanh toán cho V1 tổng số tiền tương ứng với 5% dư nợ tạm tính đến ngày 13/01/2026 (ngày xét xử sơ thẩm) là: 38.832.770 đồng (*Ba mươi tám triệu tám trăm ba mươi hai nghìn bảy trăm bảy mươi đồng*). Trong đó, tiền nợ gốc: 33.500.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn: 281.584 đồng và tiền lãi quá hạn: 5.051.186 đồng.

Đề nghị Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay hạn mức số 10254984 ngày 20/8/2024 và Khế ước nhận nợ ngày 22/8/2024 cho đến ngày vợ chồng bà Á, ông Q thực tế thanh toán hết toàn bộ khoản nợ cho Công ty M1 và V1. Lãi phát sinh phải trả cho M và V1 tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật nếu vợ chồng bà Nguyễn Thị Á và ông Hồ Sỹ Q không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho M và V1 thì M và V1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho M và V1, cụ thể như sau:

Tài sản 01: Thừa đất số 36, tờ bản đồ số 72, có địa chỉ tại: Bản A, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI464135, số vào sổ cấp GCN: CS000161 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp ngày 21/12/2022 mang tên ông Hồ Sỹ Q và bà Nguyễn Thị Ánh . Theo Hợp đồng thế chấp số LN2304128902743-01 ngày 18/4/2023.

Tài sản 02: Thừa đất số 37, tờ bản đồ số 72, địa chỉ tại: Bản A, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An Thừa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI464136, số vào sổ cấp GCN: CS000162 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp ngày 21/12/2022 đứng tên ông Hồ Sỹ Q và bà Nguyễn Thị Ánh . Theo Hợp đồng thế chấp số LN2304128902743-01 ngày 18/4/2023. Tài sản 03: Thừa đất số 40, tờ bản đồ số 72, địa chỉ tại: Bản A, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An Thừa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI464140, số vào sổ cấp GCN: CS000168 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp ngày 21/12/2022 mang tên ông Hồ Sỹ Q và bà Nguyễn Thị Ánh . Theo Hợp đồng thế chấp số LN2304128902743-02 ngày 18/4/2023. Tài sản 04: Thừa đất số 41, tờ bản đồ số 72; Địa chỉ tại: Bản A, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI464141, số vào sổ cấp GCN: CS000167 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp ngày 21/12/2022 mang tên ông Hồ Sỹ Q và bà Nguyễn Thị Á. Theo Hợp đồng thế chấp số LN2304128902743-02 ngày 18/4/2023”.

Tài sản 05: Thừa đất số 38, tờ bản đồ số 72, Địa chỉ tại: Bản A, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An theo theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI464138, số vào sổ cấp GCN: CS000163 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp ngày 21/12/2022 mang tên ông Hồ Sỹ Q và bà Nguyễn Thị Ánh . Theo Hợp đồng thế chấp số LN2304128902743-03 ngày 18/4/2023.

Tài sản 06: Thừa đất số 39, tờ bản đồ số 72; Địa chỉ tại: Bản A, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI464139, số vào sổ cấp GCN: CS000169 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp ngày 21/12/2022 mang tên ông Hồ Sỹ Q và

bà Nguyễn Thị Ánh . Theo Hợp đồng thế chấp số LN2304128902743-03 ngày 18/4/2023.

Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mãi không đủ trả nợ, thì vợ chồng bà Á, ông Q còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ cho MARS và V1.

-Về phía bị đơn bà Nguyễn Thị Á và ông Hồ Sỹ Q: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết, tổng đạt hợp lệ các thông báo, Giấy triệu tập cho bị đơn về việc Ngân hàng V1 và công ty M1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với vợ chồng bà Á, ông Q. Các lần báo gọi tham gia tố tụng vợ chồng đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai, ghi ý kiến của bà Á, ông Q trong quá trình tố tụng.

Kết quả xem xét thẩm định thể hiện Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/11/2025 đối với 06 (sáu) thửa đất mà vợ chồng bà Á, ông Q thế chấp để đảm vay nêu trên theo các hợp đồng thế chấp cho thấy: Số thửa đất các thửa đất -Tờ bản đồ, địa chỉ các thửa đất, diện tích các thửa đất, giới cận, mốc cận, ranh giới đối với các thửa đất không có gì thay đổi sơ với Hồ sơ kỹ thuật đối với các thửa đất và bản vẽ đối với các thửa đất được mô tả trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất thế chấp.Tài sản trên 06 thửa đất không có tài sản gì. Đại diện UBND xã Q, cán bộ địa chính xác định đất sử dụng đúng mục đích, đúng qui hoạch, không có tranh chấp với các hộ tiếp giáp liền kề.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký, các đương sự theo qui định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 và đề nghị giải quyết vụ án nội dung vụ án như sau:

Thẩm phán tiến hành thụ lý vụ đúng quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35, điểm, a khoản 1 điều 39 của BLTTDS. Đã thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của thẩm phán quy định tại Điều 48, khoản 2 Điều 203 của BLTTDS. Xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 68 của BLTTDS. Tiến hành thu thập xác minh chứng cứ theo quy định tại chương VII của BLTTDS, làm rõ tình tiết khách quan của vụ án, yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ, thu thập tài liệu chứng cứ theo quy định Điều 95; Điều 98 của BLTTDS. Đã chuyển hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu theo quy định tại Điều 196 và Điều 220 của BLTTDS. Thư ký đã thực hiện đúng qui định tại Điều 51 của BLTTDS.Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định tại Điều 227, 239, 243, 249, 250, 258; 262 và Điều 264 của BLTTDS .

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn đã chấp hành đúng quy quyền và nghĩa vụ đầy đủ định tại Điều 70, 71, 85 và Điều 86 của BLTTDS.

Đối với bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 76, 85 và Điều 86 BLTTDS.

-Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 280, 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia

đình, Điều 3 của Nghị định: 83/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm; Điều 22, Điều 49 của Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

Căn cứ điều 147 điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Đề nghị xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần M1 (MARS).

Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Á và ông Hồ Sỹ Q có nghĩa vụ liên đới thanh toán tiền nợ gốc và nợ lãi theo quy định pháp luật và quy định tại Hợp đồng cho vay hạn mức số 10254984 ngày 20/8/2024 và Khế ước nhận nợ ngày 22/8/2024.

Trường hợp vợ chồng bà Á, ông Q không thanh toán hết khoản nợ Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần M1 có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là 06 quyền sử dụng đất để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp số LN2304128902743-01 ngày 18/4/2023, Hợp đồng thế chấp số LN2304128902743-01 ngày 18/4/2023, Hợp đồng thế chấp số LN2304128902743-02 ngày 18/4/2023, Hợp đồng thế chấp số LN2304128902743-02 ngày 18/4/2023, Hợp đồng thế chấp số LN2304128902743-03 ngày 18/4/2023 và Hợp đồng thế chấp số LN2304128902743-03 ngày 18/4/2023.

- Về chi phí xem xét tại chỗ: Nguyên đơn tự nguyện chịu số tiền chi phí thẩm định tại chỗ đã chi phí trực tiếp cho các thành phần tham gia, nên miễn xét.

- Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Á, ông Hồ Sỹ Q phải chịu án phí dân sự theo quy định.

- Xử lý tiền tạm ứng án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, do đó tuyên trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ Phần M1

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật nguyên đơn yêu cầu giải quyết là Tranh chấp hợp đồng tín dụng, mặc dù mục đích vay vốn của bị đơn là để kinh doanh. Do bị đơn không có giấy phép đăng ký kinh doanh, nên xác định đây là vụ án Dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại xã G, tỉnh Nghệ An, nên Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Nghệ An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền qui định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Tòa án đã niêm yết, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng yêu cầu người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn V1, M và bị đơn là vợ chồng bà Nguyễn Thị Á,

ông Hồ Sỹ Q có mặt tại Tòa án để tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và trình bày ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, nhưng bà Á, ông Q đều không có mặt tại các buổi làm việc theo thông báo, giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã được tòa án niêm yết, tổng đạt hợp lệ cho các đương sự. Do bị đơn bà Á, ông Q vắng mặt không có lý do tại phiên tòa lần thứ nhất, nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa, ấn định thời gian mở lại phiên tòa. Tòa án tiếp tục niêm yết, tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa cho các bên đương sự hợp lệ. Tại phiên tòa lần thứ hai người đại diện của nguyên đơn có mặt, bị đơn ông H, bà Q1 tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b, khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Á, ông Hồ Sỹ Q.

[2] Về nội dung:

+/Xét Hợp đồng cho vay hạn mức số: 10254984 ngày 20/8/2024; Khế ước nhận nợ ngày 22/8/2024 được V1 giải ngân cho vợ chồng bà Á, ông Q với số tiền 670.000.000 đ (Sáu trăm bảy mươi triệu đồng) được ký kết giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP V đối với bên vay là vợ chồng bà Nguyễn Thị Á, ông Hồ Sỹ Q.

Việc ký kết hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP V và bên vay là vợ chồng bà Á, ông Q (bên vay) được lập thành văn bản. Hình thức và nội dung của Hợp đồng cho vay, khế ước nhận nợ đều dựa trên sự thỏa thuận, tự nguyện của các bên, phù hợp với pháp luật, đạo đức xã hội. Do đó Hợp đồng cho vay hạn mức số: 10254984 ngày 20/8/2024 và Khế ước nhận nợ ngày 22/8/2024 giữa các bên phát sinh hiệu lực. Vợ chồng bà Á, ông Q đã nhận đủ số tiền vay 670.000.000 đ (Sáu trăm bảy mươi triệu đồng) được Ngân hàng V2 giải ngân thông qua khế ước nhận nợ ngày 22/8/2024. Như vậy, Ngân hàng TMCP V đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bên cho vay đối với bên vay theo Hợp đồng cho vay đã ký kết.

Căn các tài liệu, chứng cứ bên phía Ngân hàng TMCP V cung cấp cho thấy: Vợ chồng bà Á, ông Q đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi, trả gốc theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: 10254984 ngày 20/8/2024; Khế ước nhận nợ ngày 22/8/2024 mà các bên đã ký kết. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng vợ chồng bà Á, ông Q, mới chỉ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V một số tiền lãi suất trong hạn.

Theo Hợp đồng Mua bán nợ số 09/2025/VPB-MARS ngày 29/05/2025 và Phụ lục đính kèm giữa Ngân hàng TMCP V (V1) với Công ty Cổ phần M1 thì V1 đồng ý bán và Công ty Cổ phần M1 đồng ý mua (các) khoản nợ của khách hàng vay là bà Nguyễn Thị Á và ông Hồ Sỹ Q là một phần (95%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 10254984 ngày 20/8/2024 nêu trên. Quá trình xử lý khoản vay Ngân hàng V1 và Công ty Cổ phần M1 đã thực hiện nhiều lần thông báo, đôn đốc, yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay nhưng bị đơn không thực hiện. Do đó đồng nguyên đơn Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần M1 cầu khởi kiện bà Á, ông Q trả nợ khoản vay của là có căn cứ, do đó cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Với những tài liệu, chứng cứ do V1 và MARS cung cấp, trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại bản tự khai, tại phiên tòa và Bản kê tính lãi của vợ chồng bà Á, ông Q đối với khoản vay thấy rằng: Diễn biến thanh toán lãi suất trong hạn của bà Nguyễn Thị Á và ông Hồ Sỹ Q đã thanh toán, còn nợ thể hiện với mốc thời gian và số lãi suất quá hạn được thể hiện tại bảng kê tính lãi cụ thể như sau:

Từ ngày 22/8/2024 đến ngày 04/10/2024 là 44 ngày: $670.000.000đ \times 6.49\%/năm : 365 \text{ ngày} \times 44 \text{ ngày} = 5.241.786đ$ (đã trả đủ lãi suất)

Từ ngày 05/10/2024 đến ngày 04/11/2024 là 31 ngày: $670.000.000đ \times 6.49\%/năm : 365 \text{ ngày} \times 31 \text{ ngày} = 3.693.077đ$ (đã trả đủ lãi suất)

Từ ngày 05/11/2024 đến ngày 21/11/2024 là 17 ngày: $670.000.000đ \times 6.49\%/năm : 365 \text{ ngày} \times 17 \text{ ngày} = 2.025.236đ$ (đã trả đủ lãi suất)

Từ ngày 22/11/2024 đến ngày 04/12/2024 là 13 ngày: $670.000.000đ \times 9.6\%/năm : 365 \text{ ngày} \times 13 \text{ ngày} = 2.290.849đ$ (đã trả đủ lãi suất)

Từ ngày 05/12/2024 đến ngày 22/12/2024 là 18 ngày: $670.000.000đ \times 9.6\%/năm : 365 \text{ ngày} \times 18 \text{ ngày} = 3.171.945đ$ (đã trả đủ lãi suất)

Từ ngày 23/12/2024 đến ngày 05/01/2025 là 14 ngày: $670.000.000đ \times 9.9\%/năm : 365 \text{ ngày} \times 14 \text{ ngày} = 2.544.164đ$ (đã trả đủ lãi suất)

Từ ngày 06/01/2025 đến ngày 21/01/2025 là 16 ngày: $670.000.000đ \times 9.9\%/năm : 365 \text{ ngày} \times 16 \text{ ngày} = 2.907.616đ$ (chưa thanh toán)

Từ ngày 22/01/2025 đến ngày 04/02/2025 là 14 ngày: $670.000.000đ \times 10.6\%/năm : 365 \text{ ngày} \times 14 \text{ ngày} = 2.724.055đ$. (chưa thanh toán)

Lãi suất trong hạn bà Á, ông Q chưa thanh toán cho V2 là 5.631.671 đ.

Do bà Á, ông Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi suất đúng hạn, nên khoản vay trên của bà Á, ông Q chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 05/02/2025 với lãi suất được tính bằng 150% lãi suất trong hạn.

Lãi suất quá hạn từ ngày 05/02/2025 đến ngày 21/02/2025 bà Á, ông Q chưa thanh toán là 17 ngày: $670.000.000đ \times 15,9\%/năm : 365 \text{ ngày} \times 17 \text{ ngày} = 4.961.671đ$, mới trả được 115.067đ còn nợ 4.846.604 đồng.

Lãi suất quá hạn từ ngày 22/02/2025 đến ngày 21/7/2025 bà Á, ông Q chưa thanh toán là 150 ngày: $670.000.000đ \times 15,45\%/năm : 365 \text{ ngày} \times 150 \text{ ngày} = 42.540.411 \text{ đồng}$

Lãi suất quá hạn từ ngày 22/07/2025 đến ngày 04/12/2025 bà Á, ông Q chưa thanh toán là 136 ngày: $670.000.000đ \times 16,5\%/năm : 365 \text{ ngày} \times 136 \text{ ngày} = 41.191.233 \text{ đồng}$.

Lãi suất quá hạn tạm tính từ ngày 05/12/2025 đến ngày 13/01/2026 (ngày xét xử) bà Á, ông Q chưa thanh toán là 40 ngày: $670.000.000đ \times 16,95\%/năm : 365 \text{ ngày} \times 40 \text{ ngày} = 12.445.479đ$

Lãi suất quá hạn bà Á, ông Q chưa thanh toán là 101.023.727đồng.

Tạm tính đến ngày 13/01/2026, bà Nguyễn Thị Á và ông Hồ Sỹ Q còn nợ M và VPBan với tổng số tiền là: Dư nợ gốc: 670.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 5.631.671 đồng; Nợ lãi quá hạn: 101.023.727 đồng. Tổng cộng: 776.655.398 đồng

(Bảy trăm bảy mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm chín mươi tám đồng). Do bà Á, ông Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên buộc vợ chồng bà Á, ông Q phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho đồng nguyên đơn số tiền nợ trên, cụ thể

+/Xét Hợp đồng thế chấp số: LN2304128902743-01 ngày 18/4/2023; Hợp đồng thế chấp số LN2304128902743-02 ngày 18/4/2023 và Hợp đồng thế chấp số LN2304128902743-03 ngày 18/4/2023 được ký kết giữa V2 và bà Á, ông Q đều dựa trên nguyên tắc tự nguyện thỏa thuận, phù hợp với pháp luật. Các hợp đồng thế chấp này đã được công chứng tại Văn phòng C và Văn phòng C1, được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Q, tỉnh Nghệ An để đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 10254984 ngày 20/8/2024. Do đó Hợp đồng thế chấp số: LN2304128902743-01 ngày 18/4/2023; Hợp đồng thế chấp số LN2304128902743-02 ngày 18/4/2023 và Hợp đồng thế chấp số LN2304128902743-03 ngày 18/4/2023 phát sinh hiệu lực pháp luật.

Căn cứ Hợp đồng thế chấp số: LN2304128902743-01 ngày 18/4/2023; Hợp đồng thế chấp số LN2304128902743-02 ngày 18/4/2023 và Hợp đồng thế chấp số LN2304128902743-03 ngày 18/4/2023 thấy rằng: Vợ chồng bà Á, ông Q đã đồng ý thế chấp tài sản thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu của vợ chồng gồm 06 quyền sử dụng đất theo những hợp đồng thế chấp nêu trên. Do bà Á, ông Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay, nên Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần M1 có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp số: LN2304128902743-01 ngày 18/4/2023; Hợp đồng thế chấp số LN2304128902743-02 ngày 18/4/2023 và Hợp đồng thế chấp số LN2304128902743-03 ngày 18/4/2023 là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần M1 được Toà án chấp nhận nên nguyên đơn không chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nghĩa vụ chịu án phí án dân sự thuộc về bị đơn. Do đó buộc vợ chồng bà Á, ông Q phải liên đới nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Xử lý tiền tạm ứng án phí: Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 280, 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; Điều 3 của Nghị định: 83/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm; Điều 22,

Điều 49 của Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần M1 đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Á, ông Hồ Sỹ Q về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

-*Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Á và ông Hồ Sỹ Q phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Công ty cổ phần M1 tổng số tiền tương ứng với 95% dư nợ tạm tính đến ngày 13/01/2026 (ngày xét xử sơ thẩm) là: 737.822.628 đồng (Bảy trăm ba mươi bảy triệu tám trăm hai mươi hai nghìn sáu trăm hai mươi tám đồng). Trong đó: Tiền dư nợ gốc: 636.500.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn: 5.350.087 đồng; Tiền nợ lãi quá hạn: 95.972.541 đồng.*

-*Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Á và ông Hồ Sỹ Q phải thanh toán cho V1 tổng số tiền tương ứng với 5% dư nợ tạm tính đến ngày 13/01/2026 (ngày xét xử sơ thẩm) với là: 38.832.770 đồng (Ba mươi tám triệu tám trăm ba mươi hai nghìn bảy trăm bảy mươi đồng). Trong đó tiền nợ gốc: 33.500.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn: 281.584 đồng; tiền lãi quá hạn: 5.051.186 đồng.*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm tức ngày 14/01/2026 bà Nguyễn Thị Á, ông Hồ Sỹ Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay hạn mức số: 10254984 ngày 20/8/2024; Khế ước nhận nợ ngày 22/8/2024 giữa Ngân hàng TMCP V với vợ chồng bà Nguyễn Thị Á và ông Hồ Sỹ Q đã ký kết.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M1 làm đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bà Á, ông Q không trả hoặc trả không đủ số tiền nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M1 được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền, tiến hành kê biên, bán đấu giá phát mại tài sản thế chấp là 06 (sáu) quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất được bà Á, ông Q thế chấp cho Ngân hàng TMCP V tại 03 (Ba) hợp đồng thế chấp gồm Hợp đồng thế chấp số: LN2304128902743-01 ngày 18/4/2023; Hợp đồng thế chấp số LN2304128902743-02 ngày 18/4/2023 và Hợp đồng thế chấp số LN2304128902743-03 ngày 18/4/2023 để thu hồi nợ gồm các thửa đất sau:

+/ Thửa đất số: 36, tờ bản đồ số 72, địa chỉ tại: Bản A, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An (nay là Bản A, xã Q, tỉnh Nghệ An) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI464135, sổ vào sổ cấp GCN: CS000161 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp ngày 21/12/2022, trên thửa đất không có tài sản gì.

+/ Thửa đất số: 37, tờ bản đồ số 72, địa chỉ tại: Bản A, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An (nay là Bản A, xã Q, tỉnh Nghệ An) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI464136, sổ vào sổ cấp GCN: CS000162 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp ngày 21/12/2022, trên thửa đất không có tài sản gì.

+/ Thừa đất số: 38, tờ bản đồ số 72, địa chỉ tại: Bản A, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An (nay là Bản A, xã Q, tỉnh Nghệ An) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI464138, sổ vào sổ cấp GCN: CS000163 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp ngày 21/12/2022, trên thửa đất không có tài sản gì.

+/ Thừa đất số: 39, tờ bản đồ số 72, địa chỉ tại: Bản A, Xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An (nay là Bản A, xã Q, tỉnh Nghệ An) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI464139, sổ vào sổ cấp GCN: CS000169 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp ngày 21/12/2022, trên thửa đất không có tài sản gì.

+/ Thừa đất số: 40, tờ bản đồ số 72, địa chỉ tại: Bản A, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An (nay là Bản A, xã Q, tỉnh Nghệ An) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI464140, sổ vào sổ cấp GCN: CS000168 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp ngày 21/12/2022 trên thửa đất không có tài sản gì.

+/ Thừa đất số: 41, tờ bản đồ số 72, địa chỉ tại: Bản A, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An (nay là Bản A, xã Q, tỉnh Nghệ An) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI464141, sổ vào sổ cấp GCN: CS000167 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp ngày 21/12/2022, trên thửa đất không có tài sản gì.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp, nếu tài sản được phát mại mà vẫn không đủ để trả nợ thì bà Nguyễn Thị Á và ông Hồ Sỹ Q phải có nghĩa vụ liên đới tiếp tục thanh toán các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M1 cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ.

Sau khi bà Nguyễn Thị Á và ông Hồ Sỹ Q hoàn thành nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M1 phải có nghĩa vụ trả lại giấy tờ về tài sản thế chấp cho bà Nguyễn Thị Á và ông Hồ Sỹ Q.

2. Về án phí:

Buộc: Bà Nguyễn Thị Á và ông Hồ Sỹ Q phải liên đới cùng nhau nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là: 35.066.216 đ (Bằng chữ: Ba mươi lăm triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm mười sáu đồng)

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí là 990.000đ (Bằng chữ: Chín trăm chín mươi nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001497 ngày 17/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần M1 số tiền tạm ứng án phí là 20.580.000đ (Bằng chữ: Hai mươi triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001498 ngày 17/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án lên tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã G, tỉnh Nghệ An và nơi cư trú của bị đơn.

4. Về vấn đề thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008(sửa đổi bổ sung 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; Điều 7; Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008(sửa đổi bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014).

TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa

Vũ Anh Ngọc